

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DSST
Ngày: 14-6- 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang.
2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Bùi Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông C có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Văn Q sinh năm 1979, bà Nguyễn Thị N sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Q ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng. Bà N có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn C trình bày:

Ngày 20/5/2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị N vay của ông C số tiền 40.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng/ triệu, thời hạn vay

02 năm, thời hạn trả ngày 20/5/2015. Đến thời hạn trả, ông Q và bà N không trả cho ông C tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận. Ông C yêu cầu vợ chồng ông Q, bà N phải trả 73.000.000đồng, bao gồm 40.000.000đồng nợ gốc và nợ lãi 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 20/12/2017 là 33.000.000đồng.

Tại phiên tòa ông C yêu cầu vợ chồng ông Q, bà N phải trả thêm tiền lãi từ ngày 26/12/2017 đến ngày xét xử 14/6/2018 (làm tròn 07 tháng với mức lãi suất 1,5%/tháng là 6.000.000đồng, tổng cộng là 79.000.000đồng.

*** Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Trong các năm 2005 và 2006, vợ chồng ông Q, bà N mua phân bón, tạp phẩm bánh kẹo và mua điện thoại của ông C còn nợ tổng cộng số tiền 4.600.000đồng. Khi mua hàng nợ, vợ chồng ông C ghi chép vào sổ chữ vợ chồng ông Q không cầm giấy tờ.

Ông Q, bà N chỉ chấp nhận trả số tiền mua hàng còn nợ 4.600.000đồng tiền gốc và 15.400.000đồng tiền lãi từ năm 2005 cho đến nay. Tổng cộng 20.000.000đồng. Nội dung giấy vay tiền khi ông Q, bà N ký không ghi số tiền bằng số và bằng chữ mà do ông C tự điền thêm vào sau đó. Ông Q, bà N yêu cầu Tòa án giám định chữ viết số tiền bằng chữ và bằng số trong giấy vay tiền ngày 20/5/2013. Tuy nhiên ông Q, bà N không làm đơn yêu cầu và không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

Tại phiên tòa bà N công nhận khi vợ chồng ông Q, bà N ký giấy vay tiền, ông C đã ghi đầy đủ nội dung số tiền bằng số và bằng chữ 40.000.000đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc 4.600.000đồng và tiền lãi, tuy nhiên bà N không xác định được thời gian tính lãi và mức tính lãi. Bà N chấp nhận trả số tiền nợ 40.000.000đồng. Đối với số tiền lãi mà ông C yêu cầu, bà N đề nghị ông C không tính cho vợ chồng bà N.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX, căn cứ Điều 290, 427, 471, 474 BLDS năm 2005 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc

40.000.000đồng. Bác yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi 39.000.000đồng vì quan hệ vay tài sản trên đã hết thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn mất quyền khởi kiện đối với khoản tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị N (bị đơn) vay tiền của ông Bùi Văn C (nguyên đơn) theo giấy vay tiền ngày 20/5/2013, nay có tranh chấp. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn 1, xã K, huyện M. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q ủy quyền cho bị đơn bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng. Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định tại Điều 87 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, do giao dịch dân sự phát sinh từ trước ngày 01/01/2017 nên quan hệ pháp luật về nội dung của vụ án được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 184 BLTTDS năm 2015, HĐXX không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Theo giấy vay tiền ngày 20/5/2013 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 40.000.000đồng, thời hạn vay 02 năm, thời hạn trả 20/5/2015, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, 04 tháng trả lãi một lần. Đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào. Hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn 40.000.000đồng tiền gốc, nợ lãi từ ngày 20/5/2013 đến ngày 16/6/2018 là 39.000.000đồng, tổng cộng 79.000.000đồng.

Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 40.000.000đồng, trong đó tiền gốc 4.600.000đồng và tiền lãi và đồng ý trả số tiền còn nợ, không tranh chấp về thời hạn trả và mức lãi suất. Về tiền lãi bị đơn yêu cầu nguyên đơn không tính cho bị đơn.

Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận: buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 40.000.000đồng.

Về lãi suất, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lãi suất cho vay:

“1. Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.”.

Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 quy định: *mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm .*

Như vậy, lãi suất do các bên thỏa thuận sẽ không được vượt quá: $9\% \times 150\% = 13,5\%/năm$ và lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng là: $13,5 : 12 = 1,125\%/tháng$. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là cao so với quy định. Vì vậy HĐXX cần tính toán lại cho phù hợp buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 20/5/2013 đến ngày xét xử 14/6/2017 (05 năm 25 ngày) là 18.250.000đồng ($40.000.000đồng \times 09\%/năm \times 05 \text{ năm} = 18.000.000đồng$; $40.000.000đồng \times 0,025\% \times 25 \text{ ngày} = 250.000đồng$).

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 58.250.000đồng. Bao gồm nợ gốc 40.000.000đồng, nợ lãi 18.250.000đồng.

Mức lãi suất mà nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận là cao so với quy định của pháp luật, nên cần bác một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn là 20.750.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch 2.912.500đồng ($58.250.000đồng \times 5\%$). Bị đơn thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bị đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.037.500đồng ($20.750.000đồng \times 5\%$) đối với yêu cầu không được HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 87; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; 474; 476 và Điều 478 BLDS năm 2005;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Bùi Văn C 58.250.000đồng (Bao gồm nợ gốc 40.000.000đồng, nợ lãi 18.250.000đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/5/2013

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C đối với số tiền lãi 20.750.000đồng mà ông C yêu cầu vợ chồng ông Q, bà N phải trả.

3. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.912.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Q, bà N thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Q, bà N.

- Ông Bùi Văn C phải chịu 1.037.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông C thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông C.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Hải